

LƯ KHÊ VÀ BÀI BÁO ĐẦU TIÊN Ở NAM KỲ GIỚI THIỆU VĂN HỌC NHẬT BẢN

Võ Văn Nhơn, Ngô Trà Mi

*Trường Đại học KHXH và NV, ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh
vovannhon2005@gmail.com*

Nhận bài ngày: 6/6/2019; Ngày duyệt đăng: 27/08/2019

Tóm tắt

Văn học Nhật Bản được giới thiệu một cách tổng quan theo tiến trình lịch sử ở Việt Nam từ khi nào. Đó là câu hỏi vẫn còn bỏ ngỏ mà chưa nhà nghiên cứu Nhật Bản nào ngày nay dám trả lời quả quyết. Việc tìm lại các tư liệu báo chí xuất bản trước năm 1945 cho phép ta lần tìm lại được những bước đi đầu tiên trong việc tiếp cận với nền văn chương của một nước đồng văn vừa gần lại vừa xa. Chúng tôi may mắn tìm được bài báo “Văn chương nước Nhựt” của tác giả Lư Khê đăng nhiều kỳ trên báo Tự do ở Saigon năm 1936. Tuy chỉ tìm được văn bản hai kỳ của bài báo này, chưa phải là văn bản trọn vẹn nhưng đã giúp chúng tôi có hình dung được những bước đầu của việc nghiên cứu giới thiệu văn học Nhật ở Việt Nam. Chúng tôi đã tiến hành đọc bài báo, đồng thời so sánh với tri thức về văn học Nhật để thấy những sai biệt bước đầu của người đi trước, từ đó có thể hiểu hơn về quá trình tiếp nhận văn học Nhật khó khăn buổi đầu ở nước ta.

Từ khóa: *Lư Khê, văn học Nhật Bản, nghiên cứu văn học Nhật Bản.*

Lu Khe and the first article introducing Japanese Literature in Cochinchina

Abstract

When Japanese literature was introduced in an overview according to the historical process in Vietnam is still open-ended question which is hard for any Japanese researchers to answer decisively. Finding the press materials published before 1945 allows us to realize the first steps in approaching the literature of the country having the same culture and scripts of Vietnam. It is fortune for us to find the serial article “Van chuong nuoc Nhut” by the author Lu Khe published in the Tu do newspaper in Saigon in 1936. Although only the two-term text of this article not full text was found, it helped us to envision the very first steps of introducing Japanese literature in Vietnam. We have read the article, and compared it with the knowledge of Japanese literature to realize the uncorrect knowledge of the author so that we can better understand the difficulties in the early time of the process of receiving Japanese literature in our country.

Keywords: *Lu Khe, Japanese literature, the study of Japanese literature.*

1. Về tác giả bài báo

Lư Khê tên thật là Trương Văn Em, trong gia đình gọi là Đề, sinh ngày 20/1/1916 tại xã Thuần Yên, Hà Tiên trong một gia đình nông dân nghèo, con ông Trương Văn Huỳnh và bà Trần Thị Chính. Cha làm nghề đánh cá vược, mẹ là nông dân, nhưng Lư Khê được nuôi ăn học chu đáo. Nhờ thế, ông trở thành người Hà Tiên đầu tiên tốt nghiệp Thành Chung, tức trung học, trường Collège de Cần Thơ.

Do gia đình sống tại xóm Rạch Vược, còn gọi là Lư Khê nên ông lấy bút hiệu là Lư Khê. Ông còn có bút hiệu là Trương Tuấn Cảnh. Có tài liệu cho rằng, Lư Khê còn một bút hiệu khác là Từ Quang. Với bút danh Từ Quang, Lư Khê đã được tặng thưởng khuyến khích ở giải Đồ Chiểu năm 1943 khi gửi tác phẩm dự thi với đề tài *Khảo cứu và luận về Đồ Chiểu với Lục Vân Tiên*. Lư Khê cùng với Đông Hồ, Mộng Tuyết, Trúc Hà là bốn danh sĩ nổi tiếng nhất của Hà

Tiên ở đầu thế kỷ XX nên được gọi là “Hà Tiên tũ tuyệt”.

Ngoài sáng tác bằng tiếng Việt, ông còn làm thơ tiếng Pháp đăng trên báo Pháp và từng đoạt giải cuộc thi “Tournai des Jeux Floreaux de Nice” của Pháp năm 1938. Tác phẩm viết bằng tiếng Pháp của ông đã xuất bản có *La Douleur secrète* (Nỗi đau thầm kín, tập truyện ngắn, 1939). Ngoài ra còn có một số bản thảo như *Elle l’a tué* (Nàng đã giết chàng, truyện ngắn), *Jours perdus* (Những ngày đã mất, tiểu thuyết), *Au fil de l’heure* (Dòng thời gian, thơ), *La littérature chinoise et ses ressources artistiques* (Văn chương Trung Hoa và những ngọn nguồn nghệ thuật, tiểu luận), *L’amour dans la poésie annamite* (Ái tình trong thơ Việt, nghiên cứu).

Từ 1935, Lư Khê lên Sài Gòn dạy học và viết báo. Ông dạy Việt văn ở các trường trung học Huỳnh Khương Ninh, Đồng Nai. Năm 1935 ông tham gia làm báo *Sóng*, tờ tạp chí văn học đầu tiên do những nhân tài đất Hà Tiên sáng lập và hợp lực viết bài, được anh em gọi là Hội bạn Trí Đức. Nhóm này gồm Đông Hồ, Trúc Hà, Trúc Phong, Lư Khê, Trọng Toàn, Quang Đầu, Bạch Như, Mộng Tuyết. Ông còn viết cho *Nữ lưu tuần báo* (1936 - 1938), *Thế giới tân văn* (1936 - 1937), *Văn Nghệ* (1937), *Nay* (1938), *Tự do* (1938- 1939), *Đông Tây* (1941), *Gió mùa* (1941 - 1942), *Tân Việt*. Ông cũng là chủ bút các báo *Sự thật* (1946 - 1947), *Ánh sáng* (1947 - 1950). Riêng tờ *Ánh sáng* còn có phụ trang *Ánh sáng văn chương*. Huỳnh Văn Nghệ lúc ở chiến khu đã gửi đăng bài thơ *Lá thư rừng* (*Ánh sáng văn chương* ngày 9/10/1948) để đáp từ bài *Chiếc lá thị thành* của nữ sĩ Mộng Tuyết cũng đăng trên phụ trang này trước đó.

Năm 1937, Lư Khê thành hôn với nữ sĩ Manh Manh, tức nhà thơ, nhà báo Nguyễn Thị Kiêm, người được phong tặng danh hiệu “nữ tiên phong Thơ mới ở Nam Kỳ”.

Với những hoạt động sôi nổi trong lĩnh vực văn học và báo chí, Lư Khê đã có nhiều đóng góp rất đáng ghi nhận đối với văn học Nam Bộ. Ông mất ngày 3 tháng 7 năm 1950 tại nhà riêng ở đường Paulin Vial, Sài Gòn do bị ám sát, khi đang làm chủ bút báo *Ánh sáng*.

Ngoài việc dạy học và hoạt động báo chí, Lư Khê còn rất quan tâm đến văn học. Hoạt động văn học của ông khá phong phú. Ông đã hưởng ứng cuộc trưng cầu ý kiến về vấn đề cải tạo văn học Việt Nam do báo *Gió mùa* (Hà Nội) khởi xướng năm 1942. Ông cho rằng “cải tạo nền văn học được một địa vị cao quý trong lúc này là một điều nên làm gấp”, cho đó là một vấn đề thuộc xã hội mà các hội văn học phải có trách nhiệm đảm nhận để phát huy dân tộc tính.

Lư Khê sáng tác khá nhiều thơ, đăng trên nhiều báo. Thơ của ông nằm trong khí quyển của phong trào Thơ mới, đậm chất trữ tình, giàu cảm xúc.

Văn xuôi của Lư Khê khá đa dạng. Ông viết tản văn, phóng sự, truyện ngắn, tiểu thuyết. Phóng sự *Điều tra về nghề làm nước mắm ở Phú Quốc* đăng hai kỳ trên báo *Sóng* năm 1935 (số 26 và 27) khi ông mới 19 tuổi là một phóng sự khá công phu về nghề làm nước mắm truyền thống lừng danh của Phú Quốc.

Tập tản văn *Phút thoát trần* của ông gồm mười chín bài viết về nhiều chủ đề với một giọng văn giàu cảm xúc. Ông chiêm nghiệm về nhiều vấn đề của xã hội, nhân sinh, những vấn đề gắn liền với những nghịch lý mà ông đã trải qua trong đời. Tập tản văn của ông là những câu chuyện ta vẫn bắt gặp hàng ngày, được ông viết bằng giọng văn như thầm thì, tâm sự. Những tản văn này cuốn hút chúng ta bằng sự chân thực của một trái tim nhạy cảm của một nghệ sĩ luôn trân trọng những giá trị nhân văn.

Ngoài sáng tác, Lư Khê còn viết khảo cứu. Bản thảo chưa in của ông cho thấy ngoài việc nghiên cứu văn học Việt Nam như *L’amour dans la poésie annamite* (*Ái tình trong thơ Việt*), ông còn nghiên cứu về văn học Trung Hoa, văn học Nhật Bản. Ông cũng có bài bàn về thể *Văn du ký* đăng hai kỳ trên báo *Phụ nữ tân văn* (số 4/7/1935 và 11/7/1935). Phê bình sân khấu thì có bài “Phê bình tuồng *Nặng gánh cang thường*” (*Phụ nữ tân văn*, 18/2/1935).

2. Bài báo *Văn chương nước Nhựt*

Đăng nhiều kỳ trên báo *Tự do* năm 1936, bài báo *Văn chương nước Nhựt* có thể là một trong những công trình nghiên cứu văn học Nhật Bản

đầu tiên ở Nam Bộ lúc đó.

Tư liệu mà chúng tôi tìm được là bài báo *Văn chương nước Nhật* đăng liên tiếp trên hai số 5 và 6 của tờ *Tự do* phát hành năm 1936. Bài báo vẫn “còn nữa”, song hiện tại chúng tôi chưa tiếp cận được nguồn tư liệu. Qua bài báo, dù vẫn còn dang dở, có thể thấy tác giả Lư Khê đã phát họa khái quát diện mạo văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến cận kim với nhiều nhận định thú vị. Bài báo gây bất ngờ vì tầm nhìn rộng của tác giả khi muốn giới thiệu văn chương Nhật Bản đến độc giả Việt Nam, khi đương thời, Nhật Bản đang là một quốc gia tìm đường khẳng định mình trên trường quốc tế, và chỉ một năm sau, năm 1937, Nhật chính thức trở thành thành viên của khối trục Phát xít, bắt đầu gieo rắc chiến tranh khắp cõi Á Châu.

Lư Khê viết gì về văn học Nhật Bản?

Mở đầu bài báo, Lư Khê đưa ra một phản đề nước Nhật là một nước có “tinh thần thượng võ” và như thế thì văn chương hẳn nhiên không được lo “sung bồi”. Nhưng ngay sau đó, ông lại giới thiệu rằng trên thực tế “Nền văn chương nước Nhật là một nền đầy đủ vừa dồi dào và được dân sự họ quan tâm, chú trọng hơn cả trên thế giới.” Lư Khê chứng minh nước Nhật là nước yêu văn chương, từ thời lập quốc, người dân trong nước từ vua chúa, hoàng hậu, cho tới thường dân đều làm thơ; các cuộc thi thơ được mở ra hằng năm với thể thơ “Outa 31 chữ”; thi thần trong nước Nhật không phân đẳng cấp, ai cũng có chút tài về văn chương. Ba ngàn năm văn học Nhật vì thế đã rất phát triển.

Lư Khê nhận ra rằng, dù văn học Nhật phong phú và giá trị như thế nhưng lại rất khó phổ biến sang các nước khác, đặc biệt là các nước Âu châu vì ngôn ngữ Nhật quá phức tạp, từ cách dùng cùng một từ ở các ngữ cảnh khác nhau theo những cách khác nhau đến lối viết “phiền phức khó học”, và cả nguồn chữ Hán vốn có gốc từ Trung Quốc cũng không có nghĩa giống tiếng Trung.

Lư Khê cũng nhận thấy rằng việc dịch văn học các nước châu Âu ra tiếng Nhật rất thịnh hành, chứng tỏ dân Nhật rất ham mê văn chương.

Sau phần này, Lư Khê bắt đầu chia lịch sử văn học Nhật thành các phần: Thời kỳ cổ điển,

Thời đại Edo, Văn chương vào thời đại Meiji. Phần sau của bài báo mà chúng tôi chưa tìm thấy được tư liệu, chắc hẳn sẽ là văn chương thời Taisho và một vài năm đầu của thời Shōwa. Trong phần “Thời kỳ cổ điển”, Lư Khê có đề cập đến thi ca thời Nara (710 - 784) là “sự sung hợp của thi ca nước Tàu và thi ca nước Nhật”. Rồi ông khẳng định chỉ có đến thời “Đại Bình (Heian)” thì văn chương Nhật mới đổi mới và có “truyện ngắn, tiểu thuyết, có truyện ngắn bình dân, có lịch sử tiểu thuyết, có cả báo chí văn chương và phê bình.” Lư Khê cũng nhấn mạnh thời đại Heian là thời có nhiều “đàn bà cầm bút”, trong đó ông nhắc đến Murasaki Shikibu và Sei Shōnagon. Khi nhắc đến Murasaki Shikibu, ông nhận định bà “có ngọn bút rần rỏi, văn pháp gọn gàng khi thì êm dịu như thiếu nữ uốn mình, khi thì cao thâm như khoảng trời đất.” *Truyện Genji* của Murasaki Shikibu cũng được đề cập đến, với nhận định rằng tác giả của truyện đã “khéo léo vẽ nên sự lộn xộn của triều đình Heian hồi thế kỷ 11”, và nhận định *Genji* là “một vị đại anh hùng, là một “Don Juan” của đời “Đại Bình” (Heian)”, “chỉ biết “tình” chứ không biết gì khác”, “vì tình mà *Genji* đã nhiều phen dám làm nhiều sự mạo hiểm coi nhẹ cái danh giá hoàng tộc của mình. Cái đời sống như thế, ngày này qua ngày khác, không ích lợi gì cho đời mình, cho xã hội...” Lư Khê liên tưởng *Truyện Genji* giống như tác phẩm của “Stendal do Musset san định lại”. Rồi ông lược thuật về phần hai của *Truyện Genji* với nhân vật chính là Kaoru, có sai lệch so với nguyên bản, chúng tôi sẽ trao đổi ở phần sau. Phần cuối trong những nhận định về *Truyện Genji*, Lư Khê trích lại lời của nhà phê bình Pháp Aston, theo đó “*Genji* là văn chương kiệt tác của nước Nhật mà cái đặc tài của người viết nó là ở chỗ tả về ái tình và những cái vụn vặt của ái tình một cách khéo léo không có một câu nào có thể làm một cô gái khi đọc đến phải đỏ mặt...”, và trong mắt Lư Khê, “bộ tiểu thuyết ấy là cái phản ánh của xã hội lúc bấy giờ.”

Sau khi giới thiệu Murasaki Shikibu, Lư Khê giới thiệu tiếp về nữ sĩ số hai của thời đại này Sei Shōnagon và nhận định “nữ sĩ có một lối văn

như ngạo đời, như thị thế, thỉnh thoảng nữ sĩ cũng không quên điểm chút duyên vị cho văn chương mình bằng cách vẽ khéo léo bướm hoa, cây cỏ.” Liên sau đó, Lư Khê dịch đoạn đầu của tùy bút *Makura no soshi (Chẩm thảo tử)* từ bản dịch tiếng Trung của Hồ Thích. Có thể nói, đây là lần đầu tiên tùy bút tối cổ của Nhật Bản được chuyển dịch sang tiếng Việt.

Thời đại tiếp theo được Lư Khê đề cập đến trong bài báo của mình là “Thời đại Edo”. Lư Khê nhận định rằng, thời đại này “thơ ca và tiểu thuyết không được tiến bộ lắm. Vì lúc bấy giờ trong nước đương thịnh hành về triết học và Phật giáo nên nảy lên một lối văn chương mới về lịch sử và về hát tuồng như Kabouki và Nô” (Lư Khê, 1936: 8). Dẫn theo “một vài nhà văn khiêm tốn và dè dặt nước Nhật”, Lư Khê cho rằng thời Edo là thời của văn chương bình dân nước Nhật. Trong thời này, ông nhắc đến hai văn sĩ là Saikaku và Chikamatsu. Saikaku được nhận định là lãnh tụ của phái tả chân, “có thể vẽ ra một cách thần tình những dục vọng, những tâm hồn nhỏ những sự hèn yếu của nhân loại...” Lư Khê cũng giới thiệu tiểu thuyết nổi tiếng của Saikaku *Háo sắc nhất đại nữ* mà ông gọi là “Một quảng đời thiếu phụ”, trong đó ông lược thuật lại nội dung của tác phẩm và nhận xét về văn phong của Saikaku “khi thì thật thà chất phác như lời nói của cô gái ngây thơ, khi thì trong trẻo hữu duyên như nét cười của mỹ nhân chào khách...”

Đề cập đến Chikamatsu, một kịch tác gia tiêu biểu thời Edo, Lư Khê dẫn nhận định của người khác bảo rằng Chikamatsu là “một Shakespeare của nước Nhật, nhưng một ông Shakespeare chỉ khảo xét về ái tình, về phẩm giá, về sự trung thành, về lòng trong sạch ” (Lư Khê, 1936: 8). Lư Khê cũng đặt vấn đề nhiều người cho rằng Chikamatsu là thi sĩ vì kịch của ông thường theo lối văn vần, rồi ngay sau đó Lư Khê phản bác lại ý kiến trên vì cho rằng cổ văn của Nhật dù có vần hay không đều được chú trọng về mặt điều hoà âm thanh. Bằng chứng của ông là văn của Saikaku và Sei Shônagon.

Giai đoạn thứ 3 trong lịch sử văn học Nhật Bản được Lư Khê đề cập đến là “Văn chương

vào thời đại Meiji”. Theo đó, thời đại Meiji là thời đại “giao tiếp với văn minh Âu Tây” từ cuộc cách mạng năm 1867. Vào thời đại này, văn chương Nhật đã hoàn toàn đổi mới theo hướng Âu hóa. Ông nhìn ra được những khởi sắc trong đời sống văn chương là từ sự xuất bản báo chí vào năm 1880, sự ra đời của hàng loạt nhà in. Trong giai đoạn này, ông nhắc đến Kōyō với phái Kenyūsha, nhóm văn bút đầu tiên trong lịch sử văn học hiện đại Nhật Bản. Ông nhìn ra phái Kenyūsha chịu ảnh hưởng lớn của Saikaku đồng thời đang tìm lối đi mới trong thời đại mới. Ngoài ra, ông còn nhắc đến Rohan, một văn sĩ thường được nhắc đến cùng với Kōyō, nhưng lại có đường lối khác Kōyō. Trong phần này, Lư Khê cũng chỉ ra rằng văn chương Âu Tây trở nên ảnh hưởng sâu rộng trong văn học Nhật từ sau chiến tranh Trung- Nhật. Ông đề cập đến những tác giả của văn học phương Tây và Nga được dịch và say mê ở Nhật như Tolstoi, Ibsen, Sudermann, Hauptmann, Bjornson, Zola, Maupassant và Hugo. Lư Khê cũng bước đầu phác họa những mâu thuẫn trong quá trình tiếp thu văn chương Tây phương, cụ thể phái Kenyūsha, vốn chủ trương đổi mới văn học trong sự dung hòa mới cũ thì các nhà văn khác lại chủ trương văn học theo lối tả chân giống như của Zola. Lư Khê nhận ra cái mốc lịch sử quan trọng thứ 2 sau chiến tranh Trung - Nhật (1894 - 1895) là chiến tranh Nga và Nhật (1904 - 1905) đã ảnh hưởng lớn đến tiến trình “Âu hoá” của văn học Nhật. Rồi sau đó, ông lại kể thêm Hogetsu, giáo sư đại học Waseda du học từ Âu châu về, phủ nhận cả hai trường phái lãng mạn và tả chân để cổ súy một nền văn học mới chịu ảnh hưởng của Pháp. Ông kể tên ra các nhà văn ảnh hưởng nền văn học Pháp như Tōson, Katai, Kafū và nhấn mạnh những nhà văn này chưa được nước ngoài chú ý vì chỉ mô phỏng theo lối viết của các nhà văn tả chân Pháp.

Dù chúng tôi chưa tiếp cận được trọn vẹn bài báo về *Văn chương nước Nhật* của Lư Khê, song qua những gì được đọc, có thể thấy Lư Khê có ý muốn dựng lại toàn bộ lịch sử văn học Nhật từ khởi thủy đến hiện đại. Vì không xem được phần tư liệu tham khảo của tác giả bài báo, nên

chúng tôi khó đoán định được tác giả đã khái quát lịch sử văn học Nhật từ những nguồn nào. Trong văn bản mà chúng tôi tiếp cận được, có thể thấy, Lư Khê chịu ảnh hưởng nhiều của học giả người Trung Quốc - Hồ Thích và nhà phê bình người Pháp - Aston, cụ thể ông có nhắc đến hai vị này khi phẩm bình về *Truyện Genji*. Điều đó cũng giúp chúng ta đoán định được Lư Khê chủ yếu tiếp cận với văn học Nhật bằng con đường Pháp văn và Trung văn. Điều này cũng hoàn toàn hợp lý với bối cảnh tri thức Việt Nam những năm 1930.

Một vài nhận định về bài báo *Văn chương nước Nhật* của Lư Khê

Phải nói rằng, những thông tin mà Lư Khê mang đến cho độc giả Việt Nam về văn chương Nhật Bản chắc chắn là mới lạ và bổ ích đối với kiến văn của người Việt trong việc tìm hiểu thế giới vào năm 1936. Bài báo rõ ràng, khúc chiết, phác họa cho người đọc thấy những mốc lớn trong các thời đại văn học Nhật. Những tác giả được chọn giới thiệu trong bài báo đều là những tác giả lớn, có ảnh hưởng sâu rộng trong văn chương Nhật Bản.

Tuy nhiên, so với những hiểu biết của hậu sinh thế kỷ 21, thời đại mà việc tiếp cận thông tin nhanh nhạy và dễ dàng hơn thời đại của Lư Khê, thời đại mà Nhật Bản kể cả văn hóa lẫn ngôn ngữ không còn quá xa lạ với quảng đại người Việt, thì những viên gạch đầu tiên của Lư Khê đặt nền móng cho ngôi nhà nghiên cứu Nhật Bản ở Việt Nam có nhiều chỗ còn phải trao đổi. Dưới đây, chúng tôi xin nêu ra một vài điểm cần trao đổi lại trong sự hiểu biết của mình về văn học Nhật Bản.

Bài báo khái quát lịch sử văn chương Nhật Bản qua các thời kỳ, cho rằng văn chương Nhật có lịch sử 3000 năm thì quả là thiếu chính xác. Nền văn chương Nhật còn ghi lại đến ngày nay khởi phát từ thế kỷ VIII, thời Nara với các tập thần thoại *Kojiki*, *Nihonshoki*, và tập thơ *Man'yōshū*. Lư Khê chia văn chương Nhật thành các thời kỳ cổ điển, Edo, Meiji và có thể các thời hiện đại sau này trong phần bài báo chưa được tìm thấy. Cách chia này bỏ qua hoàn toàn văn chương của thời Kamakura (1185 - 1333) và

Muromachi (1336 - 1573), vốn là những thời đại có nhiều thành tựu, đặc biệt là thời đại Thiên đã trở thành một phần văn hóa Nhật Bản.

Riêng phần “Thời kỳ cổ điển”, Lư Khê đưa ra một số nhận định có phần ngược với tri thức về văn học Nhật Bản ngày nay. Chẳng hạn, ông cho rằng văn chương thời Heian có đủ các thể loại từ truyện ngắn, tiểu thuyết đến cả “báo chí văn chương và phê bình”. Thời kỳ này, người Nhật có *monogatari* 物語 (vật ngữ), có thể xem là truyện ngắn và tiểu thuyết, có cả những quyển *karon* 歌論 (ca luận) bàn về nghệ thuật thơ ca, nhưng thật khó có thể nói thời này đã có báo chí. Không rõ tác giả bài báo đã tham khảo từ nguồn nào để kể ra thể loại này trong văn chương Heian.

Khi viết về *Genji monogatari*, phân được dành nhiều “đất” nhất trong phần “Thời kỳ cổ điển”, Lư Khê nhìn nhận đây là một tác phẩm phản ánh “sự lộn xộn của triều đình Heian vào cuối thế kỷ 11”, và *Genji* là một “Don Juan của đời Đại Bình (Heian)”, có đời sống “không lợi ích gì cho đời mình, cho xã hội”, cả cuộc đời 51 năm “lắm bao nhiêu chuyện đáng trách”. Cách nhìn nhận về nhân vật *Genji* và về tiểu thuyết đầu tiên của nhân loại *Truyện Genji* như thế hoàn toàn đi ngược lại tinh thần của thời đại Heian. Đây cũng là cách tiếp cận của hầu hết các nhà phê bình phương Tây trong thời kỳ đầu với *Truyện Genji*, luôn cho rằng *Genji* là một kiểu Don Juan của Nhật Bản, sống buông thả, trụy lạc với ái tình. Thực ra, đạo đức của *Genji* không nằm trong quy chuẩn của Nho giáo theo kiểu Đông phương hoặc trong quy chuẩn đạo đức của Tây phương, mà là một quy chuẩn theo kiểu Nhật Bản, dựa trên *mono no aware*. *Mono no aware* là một thuật ngữ mỹ học Nhật Bản chỉ cho sự rung động thực sự từ tâm hồn khi tiếp chạm với cái đẹp, sự rung động đó có thể là hân hoan, có thể là say đắm, có thể là sầu não..., nhưng tựu trung phải là rung động chân thành. Người có những rung động này là người biết *mono no aware*, và người như vậy mới là người tốt. Người không biết rung động trước cái đẹp, trước sự vật thì dù có nói đạo đức cũng chỉ là giả dối. Đó là thâm mỹ và đạo đức của thời Heian, khi mà cả đạo đức của Nho giáo lẫn Phật

giáo chưa trở thành quy chuẩn ứng xử trong xã hội. Và Genji, chàng hoàng tử biết *mono no aware* đã yêu người tình của mình, rất nhiều người tình trong một sự rung động và chân thành nhất của trái tim. Người Nhật không gọi chàng là Don Juan, là kẻ đa tình lãng nhăng, mà gọi chàng là hoàng tử ánh sáng, biểu trưng của cái đẹp Nhật Bản.

Ngoài ra, trong đoạn viết về *Truyện Genji*, Lư Khê cũng có chút nhầm lẫn khi tóm lược câu chuyện ở phần hai về nhân vật chính Kaoru. Mỗi tình của Kaoru và nàng Ukifune đầy nước mắt, kết thúc trong sự biệt ly, nàng Ukifune trở thành người của cửa không, hoàn toàn khước từ đời sống thế tục với Kaoru, còn Kaoru đành trở về lại thế giới của mình. Đó không phải là cái kết theo như Lư Khê thuật lại là Kaoru và vợ gặp lại nhau rồi “nối lại mối tình xưa sống với bóng từ bi của đức Phật.” Chúng tôi chưa rõ Lư Khê đã tham khảo bản dịch nào của *Genji monogatari* để có sự sai khác như vậy. Nếu biết được nguồn tham khảo của ông, chúng tôi có thể có thêm nhiều cái nhìn thú vị trong việc tiếp cận văn chương Nhật ở các nước khác trên thế giới.

Cách phiên âm Romaji trong bài báo hoàn toàn khác cách phiên âm bây giờ. Ví dụ, loại thơ “outa”, bây giờ được viết là “uta”, hay gọi bằng các tên khác như waka, tanka; hay Morracaki, Sei Syô-nagon, Ghênsi, Tikamatsou... Có vẻ như các cách phiên âm này xuất phát từ tiếng Pháp, một trong những nguồn tài liệu tham khảo chính của Lư Khê. Điều này hoàn toàn dễ hiểu trong bối cảnh phiên âm Romaji của người Nhật chưa được quy chuẩn hoá. Đến ngay cả Suzuki T. Daisetsu, trong lời tựa của cuốn “Zen and Japanese culture” xuất bản năm 1938, cũng lưu ý về cách phiên âm ra chữ La Tinh theo kiểu cũ của mình không hợp với các cách phiên âm mới (Suzuki, 1988: v, vi). Ngoài ra, một số từ Nhật như Heian (平安) vốn là Bình An lại được phiên âm Hán Việt thành Đại Bình. Chúng tôi quả thực chưa hiểu vì sao lại có sự sai khác này.

Những điểm còn hạn chế của bài báo là hoàn toàn dễ hiểu bởi bài báo là sản phẩm của một thời đại khi mà Nhật Bản vẫn còn là một đất nước xa lạ, và người Việt phải hiểu về văn

chương Nhật thông qua các nguồn trung gian từ phương Tây và Trung Quốc. Tuy vậy, ngoài nguồn tri thức khoa học đòi hỏi sự chính xác, chúng tôi còn tiếp nhận bài báo từ góc độ tâm ý của người viết khi chọn đề tài. Ở góc độ này, chúng ta, những kẻ hậu sinh của thời đại đầy đủ tiện nghi, phải cúi đầu kính phục sự nhìn xa trông rộng của bậc thức giả thế hệ trước trong cái nhìn về lịch sử thế giới, tấm lòng quảng đại muốn mở mang tri thức về thế giới cho dân Việt nên đã chọn một đề tài hoàn toàn mới ở Việt Nam thời bấy giờ. Cũng qua đó, chúng ta thấy được vai trò của báo chí đầu thế kỷ 20 trong việc mở mang dân trí, đưa người Việt xích lại gần hơn với các nền văn minh khác trên thế giới.

Kết luận

Những năm 1930, mối quan tâm về văn học Nhật Bản ở Việt Nam còn rất ít. Ngoài bản dịch “Giai nhân kỳ ngộ” của Phan Châu Trinh năm 1926 và bài báo “Thi văn Nhật Bản với phong trào Âu hoá” của Hàn Mặc Tử đăng trên báo *Sài Gòn* ngày 3/2/1936, hầu như văn chương Nhật rất hiếm được đề cập trên báo chí. Có thể nói, bài báo *Văn chương nước Nhật* của Lư Khê là một trong những bài báo đầu tiên khái quát toàn bộ tiến trình lịch sử của văn chương Nhật. Điều này có giá trị lớn lao về mặt tri thức, để người Việt hiểu hơn về Nhật Bản, một dân tộc “hùng cường và có thể nay mai khuấy đục nước Thái Bình Dương” (nhận định của Lư Khê) trong thời đại những năm 1930. Những tri thức bài báo cung cấp có thể đã lạc hậu theo thời đại nhưng tinh thần khơi mở và dấu mốc quan trọng mà bài báo để lại trong việc nghiên cứu văn học Nhật Bản tại Việt Nam sẽ vẫn còn mãi giá trị.

Tài liệu tham khảo

- Lư Khê (1935a). Phê bình tuồng *Nặng gánh cang thường*. *Phụ nữ tân văn*, số 18/2/1935, tr. 3.
- Lư Khê (1935b). Điều tra về nghề làm nước mắm ở Phú Quốc (2 kỳ). *Báo Sóng*, số 26 và 27.
- Lư Khê (1935c). Văn du ký. *Phụ nữ tân văn*, số 4/7/1935, tr. 3.
- Lư Khê (1935d). Văn du ký. *Phụ nữ tân văn*, số 11/7/1935, tr.3.
- Lư Khê (1936a). Văn chương nước Nhật. *Tự do*, số 5, tr. 11-12.

Lư Khê (1936b). Văn chương nước Nhật. *Tự do*, số 6, tr. 8.
Suzuki D. T. (1988). *Zen and Japanese Culture*. Tokyo, Tuttle Publishing, tr.v, vi.
Phan Chu Trinh (1958). *Giai nhân kỳ ngộ*. Sài Gòn,

Hướng Dương, tr. 5-275.
Hàn Mặc Tử (1936). Thi văn Nhật Bản với phong trào Âu hoá. *Sài Gòn*, số 3/2/1936. Dẫn theo Phan Cự Đệ (1993). *Thơ văn Hàn Mặc Tử*. Hà Nội, Giáo dục, tr. 115-119.